

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÀI: “TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ  
TÌNH HÌNH HỢP TÁC GIAO THƯƠNG ĐỐI VỚI MẶT HÀNG THỦY  
SẢN CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP TRONG 7 THÁNG ĐẦU  
NĂM 2025”**

**THUỘC NHIỆM VỤ**  
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai  
hiệp định CPTPP năm 2025”**

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                   |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. Tình hình xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam sang khối thị trường CPTPP trong tháng.....</b>                   | <b>4</b>  |
| <i>1. Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng .....</i>                 | <i>4</i>  |
| <i>2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP trong tháng ....</i>                                 | <i>6</i>  |
| <i>3. Cơ cấu chủng loại nhóm hàng xuất khẩu sang thị trường CPTPP .....</i>                                       | <i>11</i> |
| <b>II. Cơ hội hợp tác sản xuất, đầu tư, giao thương mặt hàng của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP .....</b> | <b>14</b> |
| <b>III. Triển vọng và dự báo.....</b>                                                                             | <b>15</b> |
| <i>1. Những yếu tố tác động tiêu cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam .....</i>                                | <i>19</i> |
| <i>2. Những yếu tố tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam .....</i>                                | <i>19</i> |

## DANH MỤC BẢNG

|                                                                                                                                      |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên CPTPP tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025 .....</b>          | <b>5</b>  |
| <b>Bảng 2: Nhập khẩu nhóm hàng thủy sản mã HS 0306 của Vương Quốc Anh từ một số nguồn cung tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025 .....</b> | <b>9</b>  |
| <b>Bảng 3: Xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP tháng 7 và 7 tháng năm 2025 .....</b>       | <b>10</b> |
| <b>Bảng 4: Xuất khẩu các nhóm hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025 .....</b>    | <b>13</b> |

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

|                                                                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giai đoạn 7 tháng năm 2019 - 2025 .....</b> | <b>6</b>  |
| <b>Biểu đồ 2: Xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản trong 7 tháng đầu năm giai đoạn 2020-2025 .....</b>                                    | <b>7</b>  |
| <b>Biểu đồ 3: Tỷ trọng về trị giá xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong các nước thành viên hiệp định CPTPP 7 tháng năm 2025 .....</b>    | <b>12</b> |
| <b>Biểu đồ 4: Dự báo quy mô thị trường cá vây toàn cầu giai đoạn 2024 – 2033</b>                                                      | <b>15</b> |

## NỘI DUNG

### **I. Tình hình xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam sang khối thị trường CPTPP trong tháng**

#### **1. *Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng***

Xuất khẩu thủy sản Việt Nam tháng 7/2025 có dấu hiệu giảm tốc so với các tháng trong quý 1 và quý 2/2024 nhưng nhìn chung xuất khẩu trong cả 7 tháng đầu năm nay vẫn khởi sắc. Theo số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 7/2025 tăng 7,21% so với tháng 6/2025 và tăng 6,07% so với tháng 7/2024, đạt 971,58 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2025 lên 6,08 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tôm vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đạt 2,49 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm nay, tăng 23,6% so với 7 tháng đầu năm ngoái. Xuất khẩu cá ngừ trong tháng 7/2025 giảm gần 19% so với tháng 7/2024 khiến xuất khẩu chung trong 7 tháng ảnh hưởng giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Về thị trường, doanh nghiệp có dấu hiệu đẩy nhanh đơn hàng trước thời điểm thuế đối ứng (retaliatory tariffs) của Hoa Kỳ có hiệu lực từ 7/8/2025 nên kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 7/2025 tăng 13,65% so với tháng 6/2025 và 7 tháng đầu năm 2025 tăng 8,69% so với 7 tháng đầu năm 2024. Xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc tiếp tục tăng khá trong tháng 7/2025, tăng 10,3% so với tháng 6/2025 và tăng 27,71% so với tháng 7/2024, đạt 199,81 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang Trung Quốc 7 tháng đầu năm nay lên 1,2 tỷ USD, tăng 43,87% so với 7 tháng đầu năm ngoái.

Xuất khẩu thủy sản sang riêng các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 7/2025 tăng 13,12% so với tháng 7/2024 và 7 tháng đầu năm 2025

tăng 20,13% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,65 tỷ USD (chiếm 27,12% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam).

**Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên CPTPP tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025**

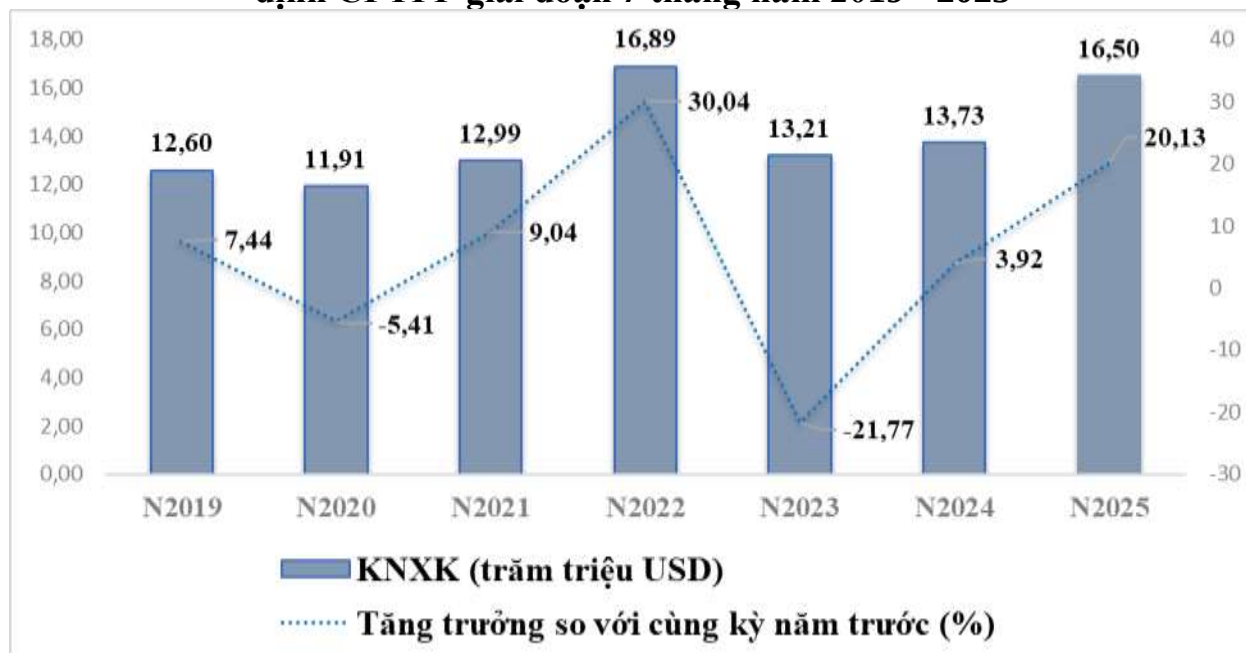
|                                                                                                | Tháng 7/2025              |                      |                      | 7 tháng năm 2025          |                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
|                                                                                                | Trị giá<br>(triệu<br>USD) | So<br>T6/2025<br>(%) | So<br>T7/2024<br>(%) | Trị giá<br>(triệu<br>USD) | So<br>7T/2024<br>(%) |
| <b>Tổng KNXK thủy sản của Việt Nam</b>                                                         | 971,58                    | 7,21                 | 6,07                 | 6.083,17                  | 14,2                 |
| <b>KNXK hàng thủy sản sang các thị trường thành viên CPTPP</b>                                 | 258,9                     | -3,64                | 13,12                | 1.649,63                  | 20,13                |
| <b>Tỷ trọng XK thủy sản sang các nước thành viên CPTPP/tổng KNXK mặt hàng của Việt Nam (%)</b> | 26,65                     |                      |                      | 27,12                     |                      |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Có thể thấy doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đã linh hoạt thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu mặt hàng, mở rộng sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP khi được ưu đãi theo các cam kết trong hiệp định, giảm áp lực từ những biến động trên thị trường thế giới nói chung và từ các thị trường truyền thống lớn nói riêng. Thống kê số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các quốc gia đối tác thành viên CPTPP 7 tháng đầu năm 2019 (năm đầu tiên CPTPP có hiệu lực với 11 quốc gia thành viên) tăng 7,44% so với 7 tháng đầu năm 2018 (thời điểm trước khi hiệp định chưa có hiệu lực), kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2025 (thời điểm có 12 quốc gia tham gia hiệp định) tăng 40,78% so

với mức 1,17 tỷ USD của cùng kỳ năm 2018 và tăng 31% so với mức 1,26 tỷ USD của cùng kỳ năm 2019.

**Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giai đoạn 7 tháng năm 2019 - 2025**



*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

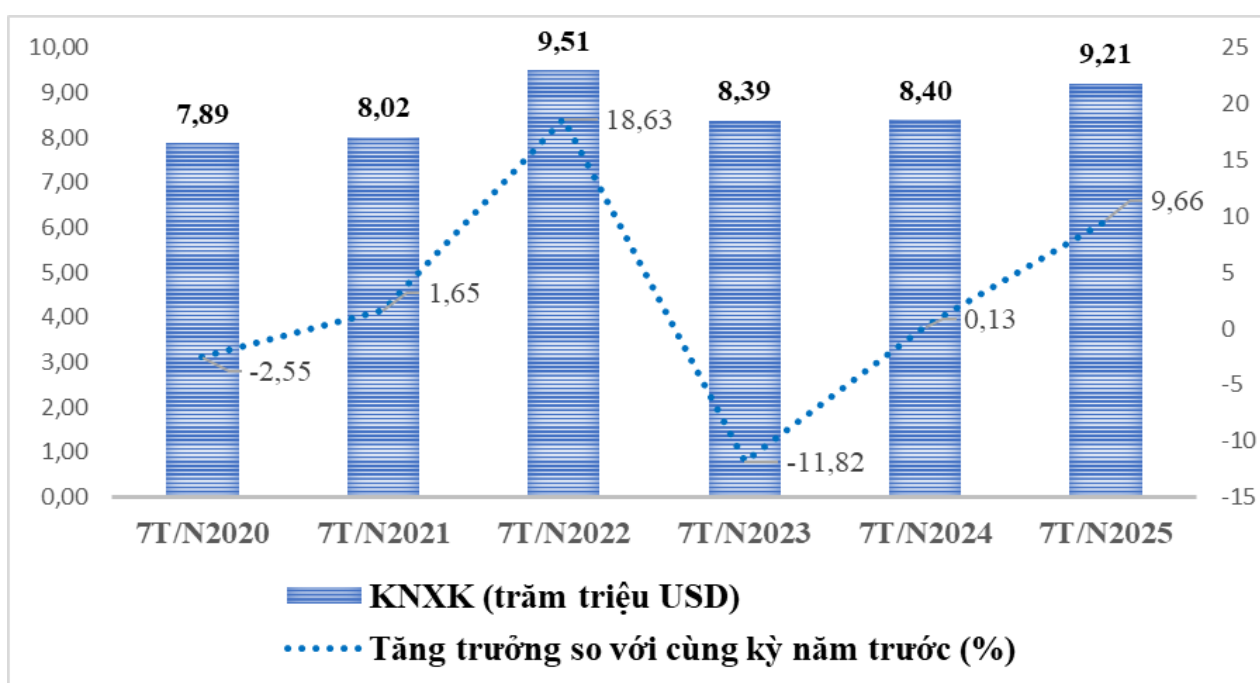
## 2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP trong tháng

Hoạt động dịch vụ tiếp tục tăng trưởng tốt, là điểm sáng nhất trong tổng thể bức tranh kinh tế của Nhật Bản trong nửa đầu năm 2025, phần nào đã giúp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản thêm thuận lợi. Không những thế, Nhật Bản còn là thị trường lớn nhất trong khối các thị trường thành viên hiệp định CPTPP đối với thủy sản Việt Nam.

Theo số liệu của Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu ngành hàng sang Nhật Bản tháng 7/2025 đạt 138,81 triệu USD, tăng 2,9% so với tháng 7/2024 và 7 tháng đầu năm 2025 tăng 9,66% so với cùng kỳ năm trước, đạt 920,97 triệu USD, chiếm đến 55,83% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các nước đối tác thành viên hiệp định CPTPP của Việt Nam.

Tính từ khi tham gia hiệp định CPTPP, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tăng trưởng tích cực. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm 2019 (năm đầu tiên hiệp định có hiệu lực) sang Nhật Bản tăng 10,17% so với cùng kỳ năm trước; đến nay, sau gần 8 năm CPTPP chính thức có hiệu lực với 12 thành viên, kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2025 đã tăng 13,84% so với cùng kỳ năm đầu tiên 2019.

**Biểu đồ 2: Xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản trong 7 tháng đầu năm giai đoạn 2020-2025**



*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Thị trường lớn tiềm năng thứ hai là Vương quốc Anh, mặc dù mới tham gia hiệp định từ 15/12/2024 nhưng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Vương quốc Anh chiếm tới 11,29% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng sang các quốc gia thành viên hiệp định CPTPP.

Thống kê số liệu hải quan, trị giá xuất khẩu thủy sản sang Vương quốc Anh tháng 7/2025 tiếp tục tăng 1% so với tháng 6/2025 và tăng 12,22% so với tháng 7/2024 (khi Anh chưa tham gia hiệp định), đạt 33,24 triệu USD, nâng tổng trị giá

xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 7 tháng đầu năm nay lên 186,17 triệu USD, tăng 7,92% so với 7 tháng đầu năm ngoái.

Nhóm hàng xuất khẩu nhiều nhất sang Vương quốc Anh là nhóm động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản có mã HS 1605, chiếm 37,66% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các nhóm hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Thứ hai là nhóm mã hàng HS 0306 chiếm khoảng 32,28% và thứ ba là nhóm mã HS 0304 chiếm khoảng 24,3%.

Đối với mã hàng HS 1605, Việt Nam hiện là nguồn lớn nhất của Vương Quốc Anh, nhưng với mã hàng 0306 thì thủy sản Việt Nam có hai đối thủ cạnh tranh rất mạnh là Ecuador và Ấn Độ. Theo số liệu của Trademap, Việt Nam là nguồn cung lớn thứ hai đối với các chủng hàng thủy sản mã HS 0306, chiếm khoảng 19,3% thị phần (tính theo tỷ trọng trong tổng nhập khẩu nhóm hàng từ các nước của Vương quốc Anh).

Đối thủ cạnh lớn nhất đối với mã hàng này tại Anh là Ecuador, chiếm 21,49% tỷ trọng. Xuất khẩu của Ecuador sang Vương quốc Anh trong vài năm gần đây tăng mạnh cả về khối lượng và trị giá. Thế mạnh của Ecuador là chuỗi giá trị nuôi trồng tập trung, năng suất cao, giúp đảm bảo nguồn hàng lớn và ổn định. Ecuador là đối thủ trong phân khúc tôm nuôi cỡ lớn/âm thực phẩm chất lượng cao, đặc biệt tại kênh bán lẻ và nhà hàng cao cấp, cạnh tranh với Việt Nam ở phân khúc giá trị trung-cao. Tuy nhiên, chi phí vận chuyển từ Nam Mỹ có thể cao hơn cho một số phân khúc so với nguồn cung ở châu Á, tùy đường biển/air freight nên doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng lợi thế cạnh tranh này.

Đối thủ lớn thứ hai là Ấn Độ cũng chiếm thị phần khá cao là 15,91%. Điểm mạnh của Ấn Độ là quy mô sản xuất lớn và chi phí thấp, cung cấp khối lượng lớn tôm đông lạnh (vannamei) với giá cạnh tranh. Mạng lưới cơ sở chế biến mở rộng và đang được chấp thuận thêm nhiều cơ sở xuất khẩu (vừa được EU phê duyệt

thêm cơ sở) sẽ giúp tăng nguồn cung vào thị trường Anh. Cùng đó, thoả thuận thương mại UK-India cũng tạo ưu đãi làm giảm thuế và tạo điều kiện mở rộng xuất khẩu sang Anh. Đây là đối thủ cạnh tranh về giá, tạo sức ép giảm giá ở phân khúc tôm đông lạnh rẻ cho thủy sản Việt Nam.

**Bảng 2: Nhập khẩu nhóm hàng thủy sản mã HS 0306 của Vương Quốc Anh từ một số nguồn cung tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2025**

| Thị trường       | T6/2025<br>(nghìn USD) | So<br>T5/2025<br>(%) | So<br>T6/2024<br>(%) | 6T/2025<br>(nghìn USD) | So<br>6T/2024<br>(%) | Tỷ<br>trọng<br>(%) |
|------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| <b>Tổng KNNK</b> | <b>42.012</b>          | <b>6,24</b>          | <b>8,54</b>          | <b>235.016</b>         | <b>4,45</b>          | <b>100,00</b>      |
| Ecuador          | 9.892                  | -5,75                | 96,97                | 50.501                 | 70,03                | 21,49              |
| Việt Nam         | 9.309                  | 77,75                | 8,23                 | 44.734                 | 3,72                 | 19,03              |
| Ấn Độ            | 6.360                  | -15,76               | -23,67               | 37.384                 | -23,67               | 15,91              |
| Hondura          | 4.065                  | 9,45                 | -23,49               | 28.707                 | 26,55                | 12,21              |
| Banglădet        | 3.224                  | -11,79               | 6,44                 | 28.541                 | 11,03                | 12,14              |
| Canada           | 1.721                  | 12,26                | 7,76                 | 9.186                  | -26,71               | 3,91               |
| Achentina        | 1.764                  | 10,04                | 63,94                | 7.322                  | 28,80                | 3,12               |
| Ai Len           | 740                    | -14,25               | -24,26               | 3.803                  | -2,86                | 1,62               |
| Pháp             | 513                    | -17,66               | 93,58                | 2.927                  | 128,14               | 1,25               |
| Thái Lan         | 145                    | -53,07               | -79,69               | 2.762                  | -60,59               | 1,18               |
| Trung Quốc       | 183                    | -71,58               | -23,75               | 2.315                  | 50,13                | 0,99               |
| Indônêsi         | 219                    | 24,43                | -35,01               | 2.180                  | -36,68               | 0,93               |
| Xri Lanca        | 193                    | -51,39               | -57,49               | 1.783                  | -11,86               | 0,76               |
| Na Uy            | 342                    | 6,54                 | 42,50                | 1.668                  | 14,40                | 0,71               |

| Thị trường | T6/2025<br>(nghìn USD) | So<br>T5/2025<br>(%) | So<br>T6/2024<br>(%) | 6T/2025<br>(nghìn USD) | So<br>6T/2024<br>(%) | Tỷ<br>trọng<br>(%) |
|------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| Madagatxca | 174                    | -53,97               | -20,91               | 1.371                  | 18,80                | 0,58               |

*Nguồn: Số liệu từ Trademap (ITC)*

Với các thị trường thành viên khác trong hiệp định CPTPP, điểm sáng là ba thị trường Canada, Malaysia và Peru tuy chỉ giữ tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang các nước đối tác thành viên hiệp định nhưng lại có xu hướng tăng khá. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 7/2025 sang Canada tăng 0,71% so với tháng 7/2024, sang Malaysia tăng 2,68% và sang Peru tăng 2,74%. Tính chung kim ngạch xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm nay sang Canada tăng 3,94% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 149,01 triệu USD, chiếm 9,03% tỷ trọng; sang Malaysia tăng 15,31%, đạt 72,63 triệu USD, chiếm 4,4% tỷ trọng; đặc biệt kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang Peru tuy chỉ giữ 0,46% tỷ trọng nhưng tăng 75,57% so với cùng kỳ 7 tháng đầu năm 2024, đạt 7,56 triệu USD.

**Bảng 3: Xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP tháng 7 và 7 tháng năm 2025**

| Tên thị trường                               | Tháng 7/2025           |                      |                  | 7 tháng đầu năm 2025   |                      |                 |
|----------------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------|------------------------|----------------------|-----------------|
|                                              | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>T6/2025<br>(%) | So<br>T7/2024(%) | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>7T/2024<br>(%) | Tỷ trọng<br>(%) |
| <b>Các nước đối tác<br/>thành viên CPTPP</b> | <b>258,90</b>          | <b>-3,64</b>         | <b>0,16</b>      | <b>1.649,63</b>        | <b>6,72</b>          | <b>100,00</b>   |
| Nhật Bản                                     | 138,81                 | -7,35                | 2,29             | 920,97                 | 9,66                 | 55,83           |
| Anh                                          | 33,24                  | 1                    | 12,22            | 186,17                 | 7,92                 | 11,29           |

| Tên thị trường | Tháng 7/2025           |                      |                  | 7 tháng đầu năm 2025   |                      |                 |
|----------------|------------------------|----------------------|------------------|------------------------|----------------------|-----------------|
|                | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>T6/2025<br>(%) | So<br>T7/2024(%) | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>7T/2024<br>(%) | Tỷ trọng<br>(%) |
| Australia      | 27,86                  | -2,21                | -11,58           | 180,67                 | -2,25                | 10,95           |
| Canada         | 25,96                  | 22,66                | 0,71             | 149,01                 | 3,94                 | 9,03            |
| Malaysia       | 12,05                  | 1,52                 | 2,68             | 72,63                  | 15,31                | 4,40            |
| Mexico         | 8,99                   | -8,47                | -24,41           | 56,75                  | -7,17                | 3,44            |
| Singapore      | 8,54                   | -10,92               | 13,63            | 54,04                  | 7,38                 | 3,28            |
| New Zealand    | 0,73                   | -58,06               | -56,25           | 10,49                  | -13,64               | 0,64            |
| Chile          | 1,55                   | -2,91                | -21,63           | 10,21                  | -22,61               | 0,62            |
| Peru           | 0,90                   | -43,23               | 2,74             | 7,56                   | 75,57                | 0,46            |
| Brunây         | 0,28                   | 142,88               | 21,59            | 1,13                   | 2,32                 | 0,07            |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

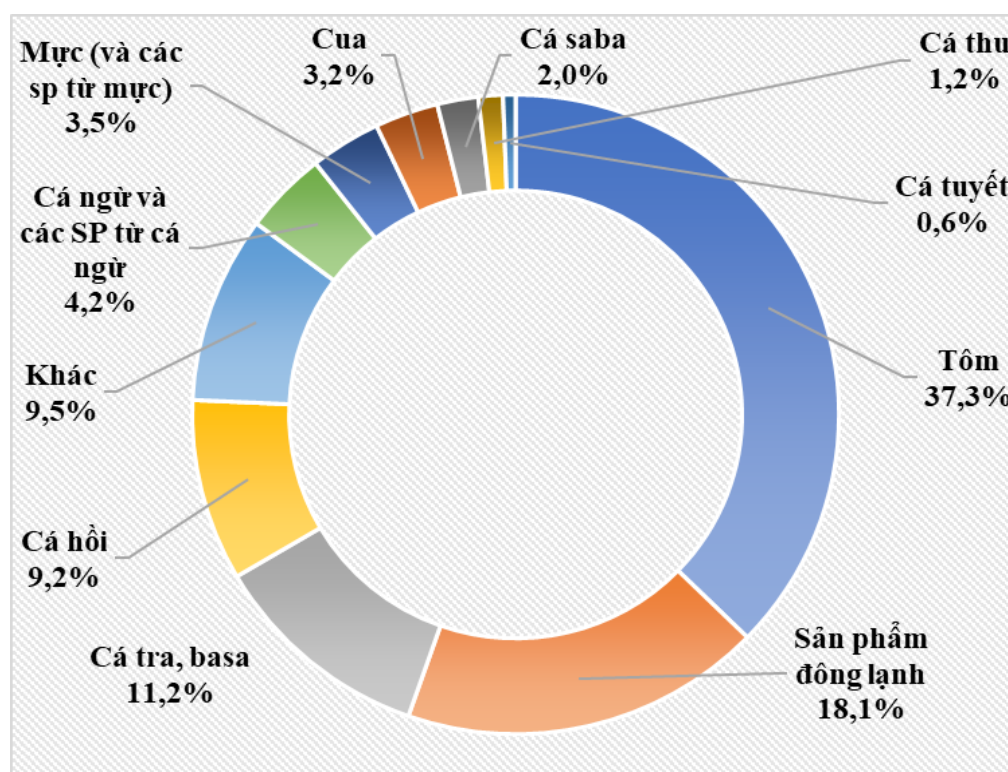
### 3. Cơ cấu chủng loại nhóm hàng xuất khẩu sang thị trường CPTPP

Tôm (gồm tôm tươi và các sản phẩm chế biến từ tôm) vẫn là nhóm hàng chủ lực có trị giá xuất khẩu cao nhất trong các nhóm hàng thủy sản xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP. Tuy giảm nhẹ 6,43% so với tháng 7/2024 nhưng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 7/2025 vẫn đạt 88,66 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu tôm 7 tháng đầu năm nay lên gần 615 triệu USD, tăng 21,18% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 37,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các quốc gia đối tác thành viên hiệp định CPTPP.

Trong đó, xuất khẩu tôm sang Nhật Bản chiếm 49,7% tổng trị giá xuất khẩu các loại tôm sang các thị trường thành viên CPTPP, sang Australia chiếm 21,6%, sang Canada chiếm 14,14%, sang Vương quốc Anh chiếm 10,12%.

Các sản phẩm đông lạnh là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao thứ hai trong cơ cấu các nhóm hàng thủy sản xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP, tăng trưởng tích cực cho thấy nhu cầu của thị trường tăng khá. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm đông lạnh tháng 7/2025 đạt 67,84 triệu USD, tăng 56,54% so với tháng 7/2024 và 7 tháng đầu năm 2025 tăng 4,27% so với 7 tháng đầu năm 2024, đạt hơn 298,6 triệu USD, chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng thủy sản sang các thị trường thành viên hiệp định.

**Biểu đồ 3: Tỷ trọng về trị giá xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong các nước thành viên hiệp định CPTPP 7 tháng năm 2025**



*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Các loại cá cũng là nhóm hàng có sự tăng trưởng cao. Với các loại như cá tra và basa, cá ngừ, cá hồi, cá thu, cá saba, cá tuyết ... Trong đó, đáng kể là sự tăng

trường mạnh của nhóm hàng cá saba dù nhóm hàng này chỉ giữ tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các nhóm hàng thủy sản xuất sang 11 nước đối tác thành viên hiệp định CPTPP. Trị giá xuất khẩu cá saba tháng 7/2025 tăng 12,06% so với tháng 6/2025 và tăng 32,33% so với tháng 7/2024, góp phần đưa tổng trị giá xuất khẩu cá saba 7 tháng đầu năm nay tăng 191,01% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 33,8 triệu USD, chiếm 2,05% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản xuất khẩu sang các thị trường thành viên hiệp định.

Đáng chú ý, tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng xuất khẩu cá saba tăng mạnh với trị giá xuất khẩu 5 tháng đầu năm nay tăng gấp 8,6 lần so với 5 tháng đầu năm trước, đạt 22,3 triệu USD, chiếm 1,99% tỷ trọng trong cơ cấu. Xuất khẩu các nhóm cá có giá trị thấp khác như cá thu, cá tuyết cũng tăng khá, lần lượt tăng ở mức 20,07% và 37,98% so với cùng kỳ 5 tháng đầu năm 2024.

**Bảng 4: Xuất khẩu các nhóm hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025**

| Nhóm hàng                                         | Tháng 7/2025           |                      |                      | 7 tháng đầu năm 2025   |                      |                    |
|---------------------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
|                                                   | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>T6/2025<br>(%) | So<br>T7/2024<br>(%) | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>7T/2024<br>(%) | Tỷ<br>trọng<br>(%) |
| <b><i>KNXK sang các nước thành viên CPTPP</i></b> | <b>258,90</b>          | <b>-3,64</b>         | <b>0,16</b>          | <b>1.649,63</b>        | <b>6,72</b>          | <b>100,00</b>      |
| Tôm                                               | 86,66                  | -5,70                | -6,43                | 614,99                 | 21,18                | 37,28              |
| Sản phẩm đông lạnh                                | 67,84                  | 64,81                | 56,54                | 298,64                 | 4,27                 | 18,10              |
| Cá tra, basa                                      | 26,23                  | -7,14                | -5,29                | 184,12                 | 23,25                | 11,16              |
| Cá hồi                                            | 22,29                  | -1,32                | 1,68                 | 151,39                 | 2,19                 | 9,18               |
| Khác                                              | 17,53                  | -59,45               | 114,96               | 137,88                 | 76,18                | 8,36               |

| Nhóm hàng                     | Tháng 7/2025           |                      |                      | 7 tháng đầu năm 2025   |                      |                    |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
|                               | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>T6/2025<br>(%) | So<br>T7/2024<br>(%) | KNXK<br>(triệu<br>USD) | So<br>7T/2024<br>(%) | Tỷ<br>trọng<br>(%) |
| Cá ngừ và các SP<br>từ cá ngừ | 9,96                   | -10,96               | -1,25                | 68,99                  | 6,03                 | 4,18               |
| Mực (và các sp<br>từ mực)     | 7,93                   | -12,64               | 7,12                 | 58,35                  | 15,50                | 3,54               |
| Cua                           | 6,77                   | -24,62               | -12,20               | 52,52                  | 13,98                | 3,18               |
| Cá saba                       | 6,07                   | 12,06                | 32,33                | 33,80                  | 191,01               | 2,05               |
| Cá thu                        | 3,44                   | 2,84                 | 19,02                | 20,24                  | 24,78                | 1,23               |
| Chả cá                        | 2,31                   | 67,16                |                      | 10,82                  |                      | 0,66               |
| Cá tuyết                      | 0,79                   | -1,40                | -43,03               | 10,25                  | 23,65                | 0,62               |
| Nước mắm                      | 0,76                   | 8,65                 | 11,64                | 4,36                   | 6,06                 | 0,26               |
| Da cá                         | 0,21                   | -39,02               |                      | 1,98                   |                      | 0,12               |
| Mắm ruốc                      | 0,01                   | -94,56               | -89,91               | 0,58                   | 17,84                | 0,04               |
| Thanh cua                     | 0,04                   | -41,02               | -88,77               | 0,38                   | -67,18               | 0,02               |
| Mắm cá                        | 0,08                   | -44,00               |                      | 0,34                   |                      | 0,02               |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

## II. Cơ hội hợp tác sản xuất, đầu tư, giao thương mặt hàng của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP

Triển lãm quốc tế ngành thủy sản VIETFISH 2025 diễn ra từ ngày 20 đến 22/8/2025 tại Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn – SECC, Hồ Chí Minh là sự kiện chuyên ngành thủy sản hội tụ toàn diện bao gồm cả chế biến, công nghệ nuôi trồng, đánh bắt và thương mại. VIETFISH không chỉ là sân chơi lớn của các

doanh nghiệp thủy sản Việt Nam mà còn là cầu nối vững chắc đưa ngành thủy sản Việt Nam vươn xa trên bản đồ thủy sản toàn cầu.

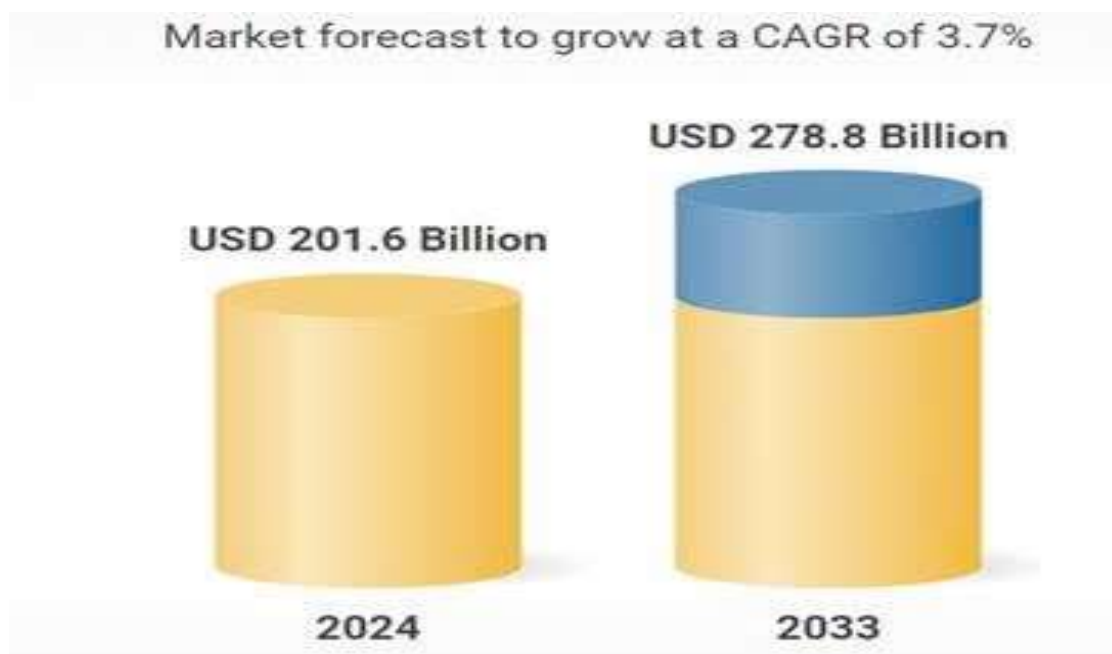
Với mục tiêu thu hút các quốc gia cung cấp nguyên liệu lớn như Canada, Na Uy, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia, Ấn Độ..., VIETFISH là nơi hội tụ các nguồn nguyên liệu đa dạng, đáp ứng nhu cầu chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Đồng thời, triển lãm còn là nơi kết nối các công nghệ tiên tiến nhất trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, mở ra cơ hội giao lưu, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Không chỉ hướng đến thị trường quốc tế, VIETFISH 2025 còn tập trung vào mục tiêu chinh phục người tiêu dùng trong nước. Những sản phẩm thủy sản cao cấp, vốn đang thống trị các siêu thị toàn cầu, sẽ được giới thiệu rộng rãi tại Việt Nam. Đây là bước đi chiến lược hướng đến thói quen tiêu dùng hiện đại từ sản phẩm tươi sống truyền thống sang các sản phẩm đông lạnh chế biến hiện đại, đạt tiêu chuẩn cao nhất về an toàn thực phẩm, đa dạng về ẩm thực, tiện lợi trong chế biến.

### **III. Triển vọng và dự báo**

Theo Researchandmarkets, quy mô thị trường cá vây (cá hồng, cá hồi, cá ngừ, cá măng sữa, cá bơn, cá mú, cá chẽm, cá da trơn, cá mú, cá rô phi, cá mú...) toàn cầu đạt 201,6 tỷ USD trong năm 2024, dự kiến sẽ đạt 278,8 tỷ USD vào năm 2033, với tốc độ tăng trưởng (CAGR) là 3,67% trong giai đoạn 2025-2033.

**Biểu đồ 4: Dự báo quy mô thị trường cá vây toàn cầu giai đoạn 2024 – 2033**



*Nguồn: researchandmarkets.com*

Cá vây là một loài cá sụn đặc trưng bởi các gai xương hoặc tia nhô ra khỏi thân. Chúng là nguồn cung cấp dồi dào photpho, canxi và các khoáng chất khác, chẳng hạn như sắt, kẽm, iốt, magiê và kali. Việc tiêu thụ thường xuyên các loại cá này giúp cải thiện sức khỏe tim mạch, chức năng não, thị lực và da, ngăn ngừa stress oxy hóa ở tuyến giáp và phục hồi các mô bị tổn thương. Trong khi đó, nhận thức về sức khỏe ngày càng tăng và nhu cầu ngày càng tăng đối với thực phẩm giàu protein trong đại chúng nên thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường cá vây.

Ngành cá vây toàn cầu đang trải qua một sự chuyển đổi đáng kể do thị hiếu người tiêu dùng ngày càng thay đổi. Trong những năm gần đây, những người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe đã chuyển sang các nguồn protein nạc, nâng cao vai trò của cá vây trong các chế độ ăn uống đa dạng. Cá vây được sử dụng rộng rãi để chế biến nhiều món ăn khác nhau, chẳng hạn như bánh mì sandwich, cơm và mì ống, đồng thời cũng được sử dụng trong cá trích muối, cá hồi và trứng cá hồi. Hơn nữa, việc áp dụng rộng rãi cá hồi, cá ngừ, cá mòi Maine và cá thu trong các bữa ăn sẵn (RTE) do dân số lao động ngày càng tăng, lịch trình làm việc bận rộn và lối sống bận rộn đang ảnh hưởng tích cực đến sự tăng trưởng của thị trường.

Bên cạnh đó, nhiều cải tiến công nghệ trong thiết bị đánh bắt cá giúp giảm bớt sự phức tạp và công sức trong đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đang tạo động lực cho sự tăng trưởng của thị trường.

Năm 2025, các biện pháp thuế quan mới được áp dụng tại Hoa Kỳ đã tác động đáng kể đến động lực thương mại cá vây và cấu trúc chuỗi cung ứng. Thuế suất cao đối với phi lê và cá nguyên con nhập khẩu đã khiến các nhà nhập khẩu phải đánh giá lại các chiến lược tìm nguồn cung ứng, chuyển hướng sang các lựa chọn thay thế trong khu vực để giảm thiểu chi phí nhập khẩu tăng cao. Các nhà cung cấp Mỹ Latinh và châu Âu đang thu hút được sự chú ý khi các nhóm mua sắm đàm phán các thỏa thuận dài hạn hơn nhằm giảm thiểu tác động của biến động. Các nhóm hàng phi lê hun khói và set thực phẩm chế biến sẵn có mức giá cao nhưng ít nhạy cảm hơn với việc tăng thuế. Các nhà cung cấp chuỗi lạnh và hậu cần đang tối ưu hóa các tuyến đường xuyên biên giới, tận dụng các hiệp định thương mại tự do với các nước láng giềng để duy trì tính liên tục của nguồn cung. Ngoài ra, các công ty đang xây dựng các sáng kiến hợp tác với các cơ quan chính phủ để đảm bảo miễn thuế cho các sản phẩm khai thác bền vững hoặc các sản phẩm được chứng nhận nuôi trồng thủy sản. Những chiến lược thích ứng này nhấn mạnh sự linh hoạt của ngành trong việc ứng phó với các chính sách thương mại đang thay đổi và thể hiện cách tiếp cận hướng tới tương lai nhằm bảo vệ lợi nhuận và khả năng tiếp cận thị trường.

Phân tích sâu các kênh tiêu dùng cho thấy các công ty chế biến thực phẩm đang đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình với các món ăn sẵn bên cạnh các nguyên liệu truyền thống, tối ưu hóa kết cấu và hương vị để đáp ứng nhu cầu tiện lợi. Trong khi đó, các nhà điều hành khách sạn và dịch vụ lưu trú đang mở rộng thực đơn hải sản thông qua quan hệ đối tác với các công ty cung cấp dịch vụ ăn uống và nhà hàng. Trong bối cảnh tiêu dùng hộ gia đình và người tiêu dùng bận rộn, các loại cá vây đang được ưa chuộng là các loại phi lê đông lạnh nấu nhanh,

thường được bổ sung thêm nước ướp gia vị và phi lê tấm ướp sẵn để giảm thời gian chuẩn bị bữa ăn.

Phân tích hình thức sản phẩm cho thấy sự gia tăng trong việc mua sắm các loại thịt đông lạnh nhanh riêng lẻ, giúp bảo quản chất lượng và kéo dài thời hạn sử dụng, ngay cả khi đầu tư vào kho lạnh tăng lên. Các đơn đặt hàng đông lạnh số lượng lớn vẫn duy trì vị thế trong các tài khoản dịch vụ thực phẩm quy mô lớn, trong khi các sản phẩm chế biến như cá tuyết đóng hộp và bít tết hun khói nhẹ đang tìm thấy sức sống mới trong các định dạng đồ ăn nhẹ hướng đến sức khỏe. Phân khúc giá trị gia tăng đang ngày càng phát triển.

Các kênh phân phối đang trải qua quá trình phát triển song song: các cửa hàng tiện lợi và chợ cá truyền thống tiếp tục phục vụ nhu cầu khu vực, trong khi các kênh bán lẻ trực tuyến, cả trực tiếp đến người tiêu dùng và trên các nền tảng thương mại điện tử rộng lớn, đang mở rộng phạm vi hoạt động ra ngoài các trung tâm đô thị.

Để định hướng thị trường cá vây đang phát triển một cách hiệu quả, các nhà hoạch định chính sách nên ưu tiên các chiến lược đa dạng hóa đa diện, bao gồm loài, hình thức và phạm vi phân phối. Việc củng cố cơ sở hạ tầng chuỗi lạnh thông qua đầu tư vào công nghệ lưu trữ và vận chuyển tiên tiến sẽ giảm thiểu hư hỏng và duy trì các tiêu chuẩn chất lượng từ tàu đến người tiêu dùng. Đồng thời, các công ty nên đẩy nhanh việc triển khai các giải pháp truy xuất nguồn gốc tích hợp dữ liệu cảm biến và giao thức blockchain để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về tính minh bạch. Việc hợp tác nghiên cứu với các nhà đổi mới thức ăn và nhà cung cấp thiết bị nuôi trồng thủy sản có thể mang lại những đột phá trong nguyên liệu bền vững và phương pháp canh tác chính xác, nâng cao hiệu quả môi trường đồng thời kiểm soát chi phí sản xuất.

Song song đó, các doanh nghiệp cần phải tinh chỉnh danh mục sản phẩm bằng cách mở rộng các sản phẩm ăn liền và giá trị gia tăng, đáp ứng sở thích của người tiêu dùng về sự tiện lợi và trải nghiệm ẩm thực cao cấp. Các liên minh chiến

lược với các tập đoàn nhà hàng, nhà cung cấp bộ dụng cụ ăn uống và nền tảng thương mại điện tử sẽ mở ra các kênh mới cho các định dạng cao cấp.

### ***1. Những yếu tố tác động tiêu cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam***

Đằng sau sự tăng trưởng ngắn hạn, ngành thủy sản Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn từ chính sách thuế của Hoa Kỳ. Mức thuế đối ứng làm tăng chi phí, tạo gánh nặng thuế chồng thuế và đẩy nhiều doanh nghiệp – đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ – vào thế bấp bênh.

Các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan hay các nhà sản xuất cá hồi Nam Mỹ cũng đang tìm cách ứng phó hoặc tranh thủ cơ hội thị phần. Đặc biệt, các nhà xuất khẩu từ Mỹ Latinh như Brazil hay Chile được cho là sẽ hưởng lợi nếu Việt Nam bị loại khỏi chuỗi cung ứng vào Mỹ do mức thuế cao.

Cạnh tranh từ chính các đối thủ thành viên CPTPP khác như Chile (cạnh tranh về cá hồi), Peru (cạnh tranh về nguồn cá biển), Mexico (cạnh tranh về tôm), Canada (cạnh tranh về tôm, sò điệp), Australia/New Zealand (cạnh tranh về sản phẩm chế biến chất lượng) cũng là áp lực làm giảm giá, mất thị phần ở các phân khúc cụ thể như trên. Ngoài ra, dù CPTPP khuyến khích thương mại tự do và ưu đãi thuế quan, nhưng các biện pháp phòng vệ quốc gia vẫn có thể áp dụng (AD, CVD, safeguards) có thể dẫn đến hậu quả bất lợi là áp thuế bổ sung lên lô hàng, rủi ro trả tiền deposit, mất đơn hàng lớn.

Không những thế, việc tắc nghẽn cảng, thiếu container lạnh, chi phí vận chuyển biến động, thời gian giao hàng dài, với các thị trường xa (Canada, Chile), chi phí vận tải chiếm tỷ trọng lớn có thể làm chậm thời gian giao hàng ảnh hưởng chất lượng; chi phí tăng, giảm lợi nhuận.

Vấn đề giá thức ăn nuôi tôm/cá, chi phí nhiên liệu/điện tăng làm tăng giá thành cũng làm giảm biên lợi nhuận thu hẹp, khó cạnh tranh về giá.

### ***2. Những yếu tố tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam***

Tiềm năng với xuất khẩu thủy sản sang các nước đối tác thành viên CPTPP vẫn khá lớn bởi ưu đãi thuế quan mạnh mẽ từ hiệp định. Hầu hết các mặt hàng thủy sản Việt Nam đã được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay hoặc theo lộ trình rất ngắn (3–5 năm) đang mang lại lợi thế lớn cho tôm, cá tra, cá ngừ, mực, bạch tuộc của Việt Nam so với đối thủ ngoài khối (Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc). Hiện, tôm đông lạnh vào Canada, Nhật Bản, Mexico đã về 0% thuế, giúp giá cạnh tranh hơn.

Cùng đó, nhu cầu về cá tra của Mexico, Chile, Peru cao. Mực, bạch tuộc cũng đang được ưa chuộng ở Nhật Bản, Peru, Mexico. Nhiều doanh nghiệp lớn (Minh Phú, Vĩnh Hoàn, Nam Việt, Sao Ta, Hùng Vương...) có năng lực đáp ứng chuẩn HACCP, BAP, ASC, MSC, dễ dàng thâm nhập kênh bán lẻ/siêu thị. Hiện, Việt Nam đang mở rộng nhanh chóng nhận ASC, MSC, BAP cho tôm, cá tra, cá ngừ cũng giúp gia tăng niềm tin và giá trị sản phẩm.

**Cán bộ theo dõi**

**Người thực hiện**

**Đặng Thùy Dương**

**Phạm Hồng Nhung**